TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HS-ST
Ngày 15-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Hoà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Xuân Khánh

Bà Bế Thị Bằng

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thục Trinh - Thư ký TAND tỉnh Lai Châu

- Đại diện VKSND tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà:

Ông Nguyễn Hữu Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2023/TLST-HS ngày 28/4/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2023, đối với bị cáo:

Chu Văn H – sinh ngày 26 tháng 5 năm 1986 tại tỉnh Lai Châu;

Nơi cư trú: tổ 25, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn T, sinh năm 1952 và con bà Trần Thị H1, sinh năm 1952; có vợ là Vàng Thị H2, sinh năm 1982 và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt ngày 19/11/2022 và bị tạm giữ tạm giam từ đó đến nay; bị cáo có mặt tại phiên toà.

Bị hại:

- Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện S, tỉnh Lai Châu:

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Quốc V – Phó Trưởng ban (phụ trách) BQL rừng phòng hộ huyện S; (có mặt)

- Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu:

Đại diện theo pháp luật: bà Lò Thị T1 – Chủ tịch UBND xã N, huyện S.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lò Văn H3 – Phó Chủ tịch UBND xã N, huyện S. (có mặt)

Người làm chứng:

- Cứ A S1, sinh năm 1978; cư trú tại: bản L1, xã K, huyện T2, tỉnh Lai Châu; (có mặt)

- Cứ A M, sinh năm 1978; cư trú tại: bản L1, xã K, huyện T2, tỉnh Lai Châu; (có mặt)

- Chang A G, sinh năm 1997; cư trú tại: bản C, xã K, huyện T2, tỉnh Lai Châu; (vắng mặt không có lý do)

- Lò Văn K1, sinh năm 1977; cư trú tại: bản P1, xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu; (vắng mặt không có lý do)

- Lù A P2, sinh năm 1988; cư trú tại: bản C, xã K, huyện T2, tỉnh Lai Châu; (vắng mặt không có lý do)

Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Phan Văn N1 – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Q; địa chỉ: số nhà 003, đường T3, tổ 18, phường T4, thành phố L, tỉnh Lai Châu; (có mặt)

Người giám định:

Ông Phan Ngọc Q1 – giám định viên, chức vụ: Phó Trưởng phòng thanh tra và pháp chế Chi Cục Kiểm lâm Lai Châu; (có mặt);

Người phiên dịch:

Ông Lầu A P3 – địa chỉ: Đài Phát thanh truyền hình tỉnh Lai Châu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo

Tháng 5/2022, Chu Văn H nảy sinh ý định mở một tuyến đường từ bản P4 đến bản N2 thuộc khu rừng phòng hộ xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu để di chuyển máy móc, phương tiện phục vụ khai thác vàng trái phép nên H đã liên hệ với Cứ A M, Cứ A S1 để nhờ M, S1 liên hệ với người dân có trồng cây thảo quả xen kẽ trên tuyến đường dự định mở đồng ý cho H làm đường, các hộ dân sẽ có đường đi mà không phải trả tiền thuê. M gặp và trao đổi với các hộ dân và được họ đồng ý để H mở đường đi qua nương thảo quả của họ, sau đó M đọc thông tin của 27 hộ dân cho con trai là Cứ A S1 (sinh năm 1999) viết danh sách và gửi lại cho H.

Sau đó, H lập bản hợp đồng thi công đường lên nương thảo quả với nội dung M, S1 đại diện cho người dân 04 bản thuộc xã K thuê H mở đường lên nương thảo quả để M và S1 ký vào hợp đồng hợp thức hóa việc mở đường của H. Tiếp đến, H thuê một máy xúc của một người đàn ông tên T5 (không rõ nhân thân, lai lịch cụ thể) và chỉ đạo Lò Văn K1, Chang A G thay nhau lái máy xúc san ủi, đào xới đất rừng tự nhiên phòng hộ tạo thành tuyến đường dài 3.687m, điểm đầu từ lô 29a, khoảnh 1, tiểu khu 324, thuộc bản P4, xã N, huyện S, đến điểm cuối tại lô 6d, khoảnh 3, tiểu khu 324, thuộc bản N2, xã N, huyện S.

Trong quá trình thực hiện mở đường nhằm khai thác vàng trái phép, khi đến khu vực trồng cây thảo quả của các gia đình: Lù A D, Cứ A S2, Giàng A T6 (đều trú ở xã K, huyện T2) những người này không đồng ý vì ảnh hưởng đến diện tích trồng cây thảo quả nên H đã nhờ Trần T7 (sinh năm 1974, trú tại tổ 5, phường T4, thành phố L) và Đinh Tiến T8 (sinh năm 1981, trú tại tổ 26, phường Đ, thành phố L) đến gặp và thỏa thuận trả cho anh S2 20 triệu đồng, anh T6 70 triệu đồng và nhờ M thỏa thuận thu tiền của 34 hộ dân trả cho anh D 10 triệu đồng để các hộ dân này đồng ý cho làm đường đi qua diện tích trồng cây thảo quả.

Sau đó, H vận chuyển máy nổ, máy bơm, thùng phi dầu để chạy máy xúc qua tuyến đường vừa mở nhằm khai thác vàng, H thuê anh Lù A P2 chạy máy nổ, máy bơm nước, tách vàng và tiếp tục chỉ đạo K1, G dùng máy xúc đào xới, múc đất lên sàng vàng tạo thành các hố sâu tại hai vị trí thuộc lô 12, 14 khoảnh 2 và lô 5, 6, 6d khoảnh 3, tiểu khu 324 thuộc bản N2, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu.

Đến ngày 17/10/2022, tổ công tác liên ngành huyện S kiểm tra và phát hiện hành vi hủy hoại rừng và khai thác vàng trái phép của H nên tiến hành thu thập đồ vật, tài liệu và trưng cầu giám định phục vụ cho việc xử lý.

Tại Bản kết luận giám định số 534/KL-CCKL ngày 18/11/2022 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lai Châu, kết luận:

"* Tổng diện tích rừng bị hủy hoại là 16.830 m2. Bằng chữ: mười sáu nghìn, tám trăm ba mươi mét vuông (có sơ đồ thể hiện: ranh giới, mốc đo, diện tích rừng đã bị hủy hoại; tọa độ mốc đo, các bản ảnh kèm theo). Mức độ thiệt hại 100%; Loại rừng: đều là rừng tự nhiên phòng hộ; Trạng thái rừng TXN (rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo) và TXK (rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt); Chủ rừng: UBND xã N và Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện S là đơn vị đại diện Nhà nước quản lý đối với diện tích rừng. Cụ thể:

+ Lô 14, khoảnh 2, tiểu khu 324: diện tích thiệt hại 1.400m2 rừng tự nhiên phòng hộ; trạng thái TXK; chủ quản lý là UBND xã N.

+ Lô 6d, khoảnh 3, tiểu khu 324: diện tích thiệt hại 600m2 rừng tự nhiên phòng hộ; trạng thái TXN; chủ quản lý là UBND xã N.

+ Lô 6, khoảnh 3, tiểu khu 324: diện tích thiệt hại 200m2 rừng tự nhiên phòng hộ; trạng thái TXN; chủ quản lý là UBND xã N.

+ Lô 12, khoảnh 2, tiểu khu 324: diện tích thiệt hại 700m2 rừng tự nhiên phòng hộ; trạng thái TXN; chủ quản lý là UBND xã N.

+ Lô 5, khoảnh 2, tiểu khu 324: diện tích thiệt hại 700m2 rừng tự nhiên phòng hộ; trạng thái TXN; chủ quản lý là Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện S.

+ Lô 2b, khoảnh 3, tiểu khu 324: diện tích thiệt hại 3.700m2 rừng tự nhiên phòng hộ; trạng thái TXK; chủ quản lý là Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện S.

+ Lô 2a, khoảnh 3, tiểu khu 324: diện tích thiệt hại 30m2 rừng tự nhiên phòng hộ; trạng thái TXN; chủ quản lý là UBND xã N.

+ Lô 5b, khoảnh 3, tiểu khu 324: diện tích thiệt hại 5.300m2 rừng tự nhiên phòng hộ; trạng thái TXK; chủ quản lý là Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện S.

+ Lô 30, khoảnh 1, tiểu khu 324: diện tích thiệt hại 1.100m2 rừng tự nhiên phòng hộ; trạng thái TXN; chủ quản lý là Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện S.

+ Lô 29a, khoảnh 1, tiểu khu 324: diện tích thiệt hại 2.700m2 rừng tự nhiên phòng hộ; trạng thái TXK; chủ quản lý là UBND xã N.

+ Lô 33, khoảnh 1, tiểu khu 324: diện tích thiệt hại 400m2 rừng tự nhiên phòng hộ; trạng thái TXK; chủ quản lý là Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện S.

* Đối với nội dung xác định lâm sản bị thiệt hại có khối lượng bao nhiêu; số cây bị hủy hoại có tên khoa học gì; thuộc nhóm nào ? Do hiện trường tại các vị trí diện tích rừng bị thiệt hại không còn lâm sản nên không có cơ sở xác định. Do vậy không xác định được lâm sản bị thiệt hại có khối lượng bao nhiêu, số cây bị hủy hoại có tên khoa học là gì, thuộc nhóm nào".

Tại phiên tòa, bị cáo Chu Văn H thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với kết quả giám định cùng các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp pháp trong quá trình điều tra.

Về các vấn đề khác của vụ án

Đối với một số đồ vật phục vụ việc khai thác vàng bị hư hỏng một phần hoặc toàn bộ như: thùng phi nhựa, xe rùa, bình ga, dây điện ... thu giữ tại hiện trường nơi bị cáo thực hiện hành vi hủy hoại rừng đã được cơ quan điều tra tiến hành tiêu hủy.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKSLC-P1 ngày 27/4/2023 của VKSND tỉnh Lai Châu truy tố Chu Văn H về tội "Hủy hoại rừng" theo điểm c khoản 3 Điều 243 của Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm c khoản 3 Điều 243, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 7 năm 6 tháng tù – 8 năm 6 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử khi xem xét quyết định hình phạt cần lưu ý đến tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: quá trình xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; diện tích rừng bị hủy hoại trên mức khởi điểm của khung hình phạt không nhiều; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt và là lao động chính trong gia đình; bị cáo có mẹ đẻ là người có thành tích trong lao động sản xuất. Do đó, đề nghị Tòa án quyết định hình phạt ở mức thấp nhất; miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) cho bị cáo. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của các bị hại, người bào chữa cho rằng: các bị hại tính giá bồi thường quá cao, chưa phù hợp nên đề nghị tòa án xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, đại diện cho các bị hại trình bày ý kiến: theo Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Lai Châu quy định khung giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu, các bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản (diện tích rừng bị hủy hoại). Cụ thể:

- Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện S, tỉnh Lai Châu yêu cầu bị cáo bồi thường 112.310.000 đồng (tính theo giá tối đa);

- Ủy ban nhân dân xã N, huyện S yêu cầu bị cáo bồi thường 102.000.000 đồng (tính theo giá tối đa).

Tại lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Với mục đích khai thác vàng trái phép nên trong khoảng thời gian từ tháng 6/2022 đến đầu tháng 10/2022, Chu Văn H đã thuê máy xúc và chỉ đạo một số cá nhân sử dụng máy xúc đào xới, san ủi mở đường tại khu vực rừng tự nhiên phòng hộ từ lô 29a, khoảnh 1 tiểu khu 324 thuộc bản P4, xã N, huyện S đến lô 6d, khoảnh 3, tiểu khu 324 thuộc bản N2, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu. Quá trình mở đường trên đã phá hủy 16.830m2 rừng tự nhiên phòng hộ, trong đó 11.200m2 thuộc quản lý của Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện S và 5.630m2 thuộc quản lý của UBND xã N, huyện S.

Bị cáo Chu Văn H là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, do có ý định khai thác vàng trái phép nên bị cáo đã chỉ đạo các đối tượng khác đào xới, san ủi mở đường, phá hủy cây rừng tại khu vực rừng tự nhiên phòng hộ. Hành vi của bị cáo đã đã làm ảnh hưởng vai trò của rừng tự nhiên phòng hộ như: bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu, góp phần bảo vệ môi trường. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi này là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Bị cáo chặt phá 16.830 m2 rừng phòng hộ nên hành vi của bị cáo có tính chất rất nghiêm trọng. Hành vi của

bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội phạm và đã phạm vào tội "Hủy hoại rừng" – tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Do đó, quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là hoàn toàn có cơ sở, không oan sai, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo Chu Văn H từ nhỏ được gia đình nuôi dưỡng và ăn học, lớn lên xây dựng gia đình và bản thân chưa có tiền án tiền sự. Trong quá trình xét xử bị cáo đã thể hiện sự ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo - theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bên cạnh đó, thân nhân của bị cáo (mẹ đẻ) có thành tích trong lao động sản xuất được tặng thưởng kỷ niệm chương vì sự nghiệp giao thông vận tải nên tòa cần coi đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Theo Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Lai Châu quy định khung giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu, theo đó quy định giá tối thiểu và giá tối đa có khoảng chênh lệch lớn đối với mỗi loại rừng, trong khi đó các bị hại đề nghị áp giá tối đa và vượt giá tối đa. Do đó, Tòa cần tính toán mức bồi thường thiệt hại về rừng bị hủy hoại một cách hợp lý. Cụ thể:

- Cần buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện S là 80.000.000 đồng;

- Cần buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện S là 50.000.000 đồng;

[5] Một số vấn đề có liên quan trong vụ án:

- Đối với hành vi khai thác trái phép khoáng sản (vàng) của Chu Văn H và Lù Văn P2: qua điều tra đã xác định cả hai chưa khai thác được vàng. Chưa hưởng lợi từ hành vi khai thác. Khám nghiệm hiện trường, khám xét nơi ở của Chu Văn H không thu được đồ vật hoặc các chứng cứ có liên quan đến hành vi khai thác trái phép tài nguyên nên không đủ căn cứ xử lý với H và P2 về tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên" quy định tại Điều 227 của Bộ luật hình sự.

- Trong quá trình điều tra, bị cáo H còn khai nhận từ tháng 3/2020 đến tháng 3/2021, H còn 03 lần được người dân ở xã K, huyện T2 thuê san gạt một số vị trí trên tuyến đường dân sinh, mở đường, làm mặt bằng tại xã N, huyện S, tuy nhiên do bị cáo không nhớ cụ thể vị trí, địa điểm đã thực hiện và xác minh tại chính quyền địa phương, kiểm tra thực địa không xác định diện tích rừng bị chặt phá như khai nhận của bị cáo. Vì vậy không có căn cứ làm rõ để xử lý đối với bị cáo.

- Đối với Cứ A M, Cứ A S1 là những người giúp bị cáo H liên hệ với người dân để san ủi mở đường qua đất trồng cây thảo quả, đã ký vào bản hợp đồng do H lập khống và giúp H thỏa thuận với các hộ dân trong việc đền bù cho anh Lù A D: kết quả điều tra xác định, M và S1 đều là người dân tộc thiểu số, không biết chữ, thiếu hiểu biết pháp luật, không có cùng động cơ, mục đích phá rừng hoặc khai thác vàng trái phép với bị cáo H. M và S1 lầm tưởng việc H mở đường đã được cơ quan nhà nước cho phép và để phục vụ mục đích sản xuất nông nghiệp, vì vậy cơ quan điều tra không điều tra, xem xét trách nhiệm hình sự đối với M và S1.

- Đối với Lò Văn K1, Chang A G đã có hành vi dùng máy xúc san ủi mở đường và trực tiếp gây ra hậu quả thiệt hại diện tích rừng phòng hộ, tuy nhiên, K1 và G đều là những người làm công ăn lương được bị cáo H thuê. Khi thực hiện hành vi, K1 và G không có cùng động cơ, mục đích phá rừng hoặc khai thác vàng trái phép với bị cáo H; K1 và G không biết về nguồn gốc đất rừng, mục đích mở đường, tin tưởng việc mở đường được nhà nước cho phép nên làm thuê theo sự chỉ đạo của H, vì vậy cơ quan điều tra không điều tra, xem xét trách nhiệm hình sự đối với K1 và G.

- Đối với người đàn ông tên T5 (không rõ nhân thân, lai lịch cụ thể) mà bị cáo H thuê 01 máy xúc hiệu Kobelco để san ủi mở đường, qua quá trình điều tra không xác định được đối tượng này nên chưa đủ căn cứ làm rõ; chiếc máy xúc này đã được H trả cho T5 nên không thu giữ được.

- Đối với UBND xã N và Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện S đã không phát hiện kịp thời, ngăn chặn hành vi hủy hoại rừng của bị cáo H. Cơ quan điều tra đã kiến nghị người có thẩm quyền xem xét xử lý theo quy định.

Kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục xác minh để xem xét trách nhiệm hình sự của các đối tượng có liên quan.

[6] Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo nghề nghiệp tự do và thu nhập không ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, khó có khả năng thi hành hình phạt bổ sung (phạt tiền) nên Tòa cần miễn phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về án phí hình sự: Tòa án cần buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/- Tuyên bố bị cáo Chu Văn H phạm tội "*Hủy hoại rừng*".

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 243, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Chu Văn H 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 19/11/2022.

2/- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 275, Điều 357, Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự buộc bị cáo Chu Văn H phải bồi thường thiệt hại cho:

- Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*);

- Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện S, tỉnh Lai Châu là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Áp dụng các Điều 274, 275, 357, 468 của Bộ luật dân sự: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Áp dụng Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự: Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền ra quyết định thi hành án. Người có nghĩa vụ thi hành án phải chấp hành việc thi hành án.

3/- Án phí: Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội: buộc bị cáo Chu Văn H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 6.500.000 đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch.

Báo cho bị cáo, bị hại biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Cấp cao;
- VKS, CA, Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp Lai Châu (P.Lý lịch tư pháp);
- Trại tạm Gm CA tỉnh;
- Bị cáo, BH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Hoà